

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

Số: 66/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 4)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 23 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 4); Báo cáo thẩm tra số 186/BC-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 4) với tổng số tiền 137.575.939.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy tỷ, năm trăm bảy mươi năm triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn đồng).


(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 23 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành ủy), HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. 

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

Phụ lục
PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH NĂM 2024 (bổ sung lần 4)

(Kèm theo Nghị quyết số: 66/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Số tiền
	TỔNG CỘNG	137.575.939.000
I	Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2024	6.739.953.000
	<i>Kinh phí hỗ trợ thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức</i>	<i>6.739.953.000</i>
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	4.338.202.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	2.401.751.000
II	Nguồn cải cách tiền lương năm 2024	3.215.306.000
	<i>Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP (Đợt nghỉ ngày 01/7, 01/8 và 01/9 năm 2024)</i>	<i>3.215.306.000</i>
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	246.033.000
-	Sở Y tế	265.984.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	961.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	1.068.310.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	297.243.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	238.289.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	138.447.000
III	Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	365.680.000
	<i>Phân bổ và giao dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022, 2023 đã thu hồi về ngân sách tỉnh (lần 3)</i>	<i>365.680.000</i>
-	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	150.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	215.680.000
IV	Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2024	127.255.000.000
	<i>Chi tiết các nguồn phân bổ:</i>	
1	Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành	23.636.325.000
2	Nguồn cải cách tiền lương tỉnh điều hành	69.578.675.000
3	Nguồn sự nghiệp đảm bảo xã hội tỉnh điều hành	34.040.000.000
	<i>Chi tiết phân bổ cho các đơn vị:</i>	
-	Sở Y tế	7.275.000.000
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	9.208.000.000

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Số tiền
-	Văn phòng UBND tỉnh	787.000.000
-	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	436.000.000
-	Sở Xây dựng	352.000.000
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	435.000.000
-	Sở Thông tin và Truyền thông	402.000.000
-	Sở Nội vụ	668.000.000
-	Sở Tư pháp	410.000.000
-	Sở Công Thương	292.000.000
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.116.000.000
-	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	1.368.000.000
-	Sở Khoa học và Công nghệ	441.000.000
-	Sở Tài chính	501.000.000
-	Thanh tra tỉnh	352.000.000
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.424.000.000
-	Vườn Quốc gia Ba Bể	1.053.000.000
-	Sở Giao thông - Vận tải	289.000.000
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	272.000.000
-	Ban Dân tộc tỉnh	167.000.000
-	Ban Quản lý các KCN tỉnh	102.000.000
-	Đài phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn	374.000.000
-	Văn phòng Tỉnh uỷ	707.000.000
-	Ban Nội chính Tỉnh uỷ	268.000.000
-	Đảng uỷ các cơ quan tỉnh	303.000.000
-	Ban Dân vận Tỉnh uỷ	272.000.000
-	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ	389.000.000
-	Ban Tuyên giáo Tỉnh Uỷ	363.000.000
-	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	406.000.000
-	Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	136.000.000
-	Trường chính trị tỉnh	239.000.000
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	307.000.000
-	Hội Nông dân tỉnh	309.000.000
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	297.000.000
-	Hội cựu chiến binh tỉnh	148.000.000

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Số tiền
-	Tỉnh Đoàn Bắc Kạn	250.000.000
-	Hội Luật gia	23.000.000
-	Hội Đông y	40.000.000
-	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh	25.000.000
-	Hội nạn nhân chất độc màu da cam/DIOXIN	20.000.000
-	Hội Nhà báo	27.000.000
-	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	70.000.000
-	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh	23.000.000
-	Ban đại diện Hội người cao tuổi tỉnh	22.000.000
-	Hội Khuyến học tỉnh	26.000.000
-	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	65.000.000
-	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	120.000.000
-	Ban An toàn giao thông tỉnh	50.000.000
-	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	36.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	12.958.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	11.674.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	14.134.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	10.087.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	9.042.000.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	7.500.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	11.026.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	15.169.000.000